DEDICA
—DEDICATED LAWYERS—

CHECKLIST TUÂN THỦ BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN VÀ RỦI RO XỬ PHẠT CHO DOANH NGHIỆP

CẬP NHẬT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP · HIỆU LỰC TỪ 19/8/2026

54 nghĩa vụ · 3 phần

Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15 · Nghị định 356/2025/NĐ-CP · Nghị định 330/2026/NĐ-CP

www.dedica-law.com · david@dedica-law.com · 039 969 0012

MỤC LỤC

01	PHẦN 1. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ ĐỐI VỚI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CỦA VIỆT NAM	4
02	PHẦN 2. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ NỘI BỘ	13
03	PHẦN 3. TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ TRONG HOẠT ĐỘNG VỚI CÁC BÊN KHÁC	25

BA MỨC TRẦN PHẠT TIỀN TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ DỮ LIỆU CÁ NHÂN

10 LẦN KHOẢN THU

Hành vi mua, bán dữ liệu cá nhân

Mức phạt tối đa bằng 10 lần khoản thu có được từ hành vi vi phạm. Không có khoản thu hoặc mức tính theo khoản thu thấp hơn 03 tỷ đồng thì áp dụng mức 03 tỷ đồng.

Điều 7.4.a, Nghị định 330/2026/NĐ-CP

5% DOANH THU

Vi phạm quy định chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới

Mức phạt tối đa bằng 5% doanh thu của năm trước liền kề của tổ chức tại thị trường Việt Nam, kèm đình chỉ hoạt động chuyển dữ liệu xuyên biên giới từ 06 đến 12 tháng.

Điều 7.4.b và Điều 56.3, 56.5.b, Nghị định 330/2026/NĐ-CP

03 TỶ ĐỒNG

Các hành vi vi phạm khác trong lĩnh vực bảo vệ dữ liệu cá nhân

Mức phạt tiền tối đa là 03 tỷ đồng. Mức trần này áp dụng đối với tổ chức; cá nhân thực hiện cùng hành vi vi phạm thì mức phạt tối đa bằng một phần hai.

Điều 7.4.c và 7.4.d, Nghị định 330/2026/NĐ-CP

Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
1	- Đối tượng áp dụng: Bên kiểm soát DLCN, Bên kiểm soát và xử lý DLCN, Bên xử lý DLCN. - Cơ quan có thẩm quyền: Cơ quan chuyên trách bảo vệ dữ liệu cá nhân (Cục An ninh mạng phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao (A05)). - Công việc cần làm: Bên kiểm soát DLCN, Bên kiểm soát và xử lý DLCN phải: (i) lập, lưu trữ hồ sơ đánh giá tác động xử lý DLCN, luôn đảm bảo có sẵn để phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá của cơ quan chuyên trách bảo vệ DLCN; và (ii) gửi 01 bản chính Hồ Sơ Đánh Giá Tác Động cho cơ quan chuyên trách bảo vệ DLCN trong thời gian 60 ngày kể từ ngày đầu tiên xử lý DLCN. - Thời hạn giải quyết: 15 ngày	Điều 21.1, Luật BVDLCN 2025; Điều 19.4 và 19.5, Nghị Định 356	Phạt tiền 20–30 triệu đồng nếu bắt đầu xử lý DLCN mà không lập, không duy trì Hồ Sơ Đánh Giá Tác Động tại trụ sở, hoặc không gửi 01 bản chính cho Cục A05 trong 60 ngày kể từ ngày đầu tiên xử lý DLCN (Điều 55.1.a và 55.1.b). Khắc phục hậu quả: buộc lập, hoàn thiện và nộp hồ sơ; buộc DỪNG hoạt động xử lý DLCN cho đến khi nộp đủ hồ sơ và được cơ quan chuyên trách xác nhận (Điều 55.3.a và 55.3.b).

Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
2	Hồ Sơ Đánh Giá Tác Động bao gồm: a) Thông báo gửi hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân đối với tổ chức (Mẫu số 02a) b) Báo cáo đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân theo Mẫu số 10 Nghị định 356; c) Bản sao hợp đồng hoặc thỏa thuận về việc xử lý dữ liệu cá nhân, thể hiện sự ràng buộc, trách nhiệm giữa các tổ chức, cá nhân trong hoạt động xử lý dữ liệu cá nhân; d) Chính sách, quy trình, quy định, biểu mẫu và các tài liệu khác có liên quan về bảo vệ DLCN của bên kiểm soát DLCN, bên kiểm soát và xử lý DLCN, bên xử lý DLCN.	Điều 19.1 và 19.4, Nghị định 356	Phạt tiền 20–30 triệu đồng nếu cố ý không hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan chuyên trách khi hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định (Điều 55.1.c). Phạt tiền 50–100 triệu đồng nếu cố tình làm giả số liệu, cung cấp sai lệch thông tin trong hồ sơ, hoặc từ chối chỉnh sửa khi có văn bản yêu cầu khắc phục của Cục A05 (Điều 55.2).
3	Thực hiện cập nhật định kỳ 06 tháng một lần Hồ Sơ Đánh Giá Tác Động nếu có các thay đổi sau: a) Khi phát sinh mục đích chuyển dữ liệu cá nhân mới, mục đích xử lý dữ liệu cá nhân mới; b) Khi phát sinh hoặc thay đổi bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, bên xử lý dữ liệu cá nhân, bên thứ ba.	Điều 22.1, Luật BVDLCN 2025 Điều 20.1, Nghị định 356	Phạt tiền 20–30 triệu đồng nếu không cập nhật định kỳ 06 tháng Hồ Sơ Đánh Giá Tác Động khi có thay đổi theo quy định (Điều 55.1.d). Khắc phục hậu quả: buộc lập, hoàn thiện và nộp hồ sơ theo đúng quy định, cung cấp minh chứng cho cơ quan có thẩm quyền (Điều 55.3.a).

Hồ sơ đánh giá tác động xử lý dữ liệu cá nhân (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
4	Thực hiện cập nhật ngay Hồ Sơ Đánh Giá Tác Động trong thời hạn 10 ngày khi xảy ra các trường hợp sau: a) Khi Công ty được tổ chức lại, chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; b) Khi có sự thay đổi thông tin về tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ bảo vệ DLCN; c) Khi phát sinh hoặc thay đổi ngành, nghề, dịch vụ kinh doanh liên quan đến xử lý DLCN đã đăng ký trong hồ sơ đánh giá tác động xử lý DLCN, hồ sơ đánh giá tác động chuyển DLCN xuyên biên giới.	Điều 22.2, Luật BVDLCN 2025, Điều 20.2, Nghị định 356	Phạt tiền 20–30 triệu đồng nếu không cập nhật hồ sơ trong thời hạn 10 ngày khi thuộc trường hợp phải cập nhật ngay (Điều 55.1.đ). Khắc phục hậu quả: buộc lập, hoàn thiện và nộp hồ sơ, cung cấp minh chứng cho cơ quan có thẩm quyền (Điều 55.3.a).

Hồ sơ chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
5	Công ty phải lập Hồ Sơ Chuyển DLCN Xuyên Biên Giới và gửi 01 bản chính cho cơ quan chuyên trách BVDLCN trong thời gian 60 ngày kể từ ngày đầu tiên chuyển DLCN xuyên biên giới. Thời hạn giải quyết: 15 ngày	Điều 20.2 Luật BVDLCN 2025 Điều 18.5, Nghị định 356	Phạt tiền 30–50 triệu đồng nếu không lập Hồ Sơ Chuyển DLCN Xuyên Biên Giới trước hoặc trong thời gian chuyển, hoặc không nộp 01 bản chính cho cơ quan chuyên trách trong 60 ngày kể từ ngày đầu tiên chuyển dữ liệu (Điều 56.1.a và 56.1.b). NẶNG HƠN: nếu chuyển DLCN xuyên biên giới mà không lập hồ sơ đánh giá tác động, che giấu hoặc khai báo sai dòng dữ liệu dẫn đến lộ, mất DLCN thì phạt theo TỶ LỆ DOANH THU năm tài chính liền trước tại thị trường Việt Nam, cụ thể 1–2% nếu lộ, mất dữ liệu của 10.000 đến dưới 100.000 chủ thể là công dân Việt Nam; 2–3% nếu từ 100.000 đến dưới 1.000.000 chủ thể; 3–5% nếu từ 1.000.000 chủ thể trở lên (Điều 56.3). Không có doanh thu tại Việt Nam hoặc mức tính theo doanh thu thấp hơn thì áp dụng mức tiền tương ứng từ 200 triệu đến 03 tỷ đồng (Điều 56.4). Xử phạt bổ sung: ĐÌNH CHỈ hoạt động chuyển DLCN xuyên biên giới 06–12 tháng (Điều 56.5.b). Khắc phục hậu quả: buộc lập, hoàn thiện, nộp hồ sơ; buộc NGỪNG chuyển dữ liệu cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ hồ sơ và được cơ quan chuyên trách xác nhận; buộc yêu cầu bên nhận hủy, xóa dữ liệu đã chuyển trái quy định và cung cấp bằng chứng (Điều 56.6).

Hồ sơ chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
6	Thành phần hồ sơ bao gồm: a) Thông báo gửi hồ sơ đánh giá tác động chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới đối với tổ chức (Mẫu số 01a) b) Báo cáo đánh giá tác động chuyển DLCN xuyên biên giới theo Mẫu số 09 của Nghị định 356; c) Bản sao hợp đồng hoặc văn bản chuyển giao DLCN thể hiện sự ràng buộc, trách nhiệm giữa các tổ chức, cá nhân chuyển và nhận DLCN xuyên biên giới; d) Chính sách, quy trình, quy định, biểu mẫu và các tài liệu khác có liên quan về bảo vệ DLCN của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động chuyển DLCN xuyên biên giới.	Điều 18.2, Nghị định 356	Phạt tiền 30–50 triệu đồng nếu không hoàn thiện hồ sơ đánh giá tác động chuyển DLCN xuyên biên giới trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của cơ quan chuyên trách (Điều 56.1.c). Khắc phục hậu quả: buộc lập, hoàn thiện và nộp hồ sơ đúng quy định (Điều 56.6.a).

Hồ sơ chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
7	Các trường hợp miễn trừ lập và nộp Hồ Sơ Chuyển DLCN Xuyên Biên Giới: a) Việc chuyển DLCN xuyên biên giới của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; b) Cơ quan, tổ chức lưu trữ DLCN của người lao động thuộc cơ quan, tổ chức đó trên dịch vụ điện toán đám mây; c) Chủ thể DLCN tự chuyển DLCN của mình xuyên biên giới; d) Các trường hợp khác theo quy định.	Điều 20.6 Luật BVDLCN 2025	Đây là các trường hợp MIỄN TRỪ nghĩa vụ nên không có chế tài trực tiếp (Điều 20.6 Luật BVDLCN 2025). Lưu ý: doanh nghiệp tự xác định thuộc trường hợp miễn trừ vẫn phải chứng minh được căn cứ khi cơ quan chuyên trách kiểm tra; nếu không thuộc diện miễn trừ mà không lập hoặc không nộp hồ sơ thì bị phạt tiền 30–50 triệu đồng, kèm biện pháp buộc lập, hoàn thiện, nộp hồ sơ và buộc ngừng chuyển dữ liệu cho đến khi được cơ quan chuyên trách xác nhận (Điều 56.1 và 56.6).
8	Cập nhật định kỳ 06 tháng một lần Hồ Sơ Chuyển DLCN Xuyên Biên Giới khi có các thay đổi sau (cùng các trường hợp nêu tại Mục 3): a) Khi phát sinh mục đích chuyển dữ liệu cá nhân mới, mục đích xử lý dữ liệu cá nhân mới; b) Khi phát sinh hoặc thay đổi bên kiểm soát dữ liệu cá nhân, bên kiểm soát và xử lý dữ liệu cá nhân, bên xử lý dữ liệu cá nhân, bên thứ ba.	Điều 22.1, Luật BVDLCN 2025 Điều 20.1, Nghị định 356	Phạt tiền 30–50 triệu đồng nếu không cập nhật định kỳ hồ sơ đánh giá tác động chuyển DLCN xuyên biên giới khi có thay đổi theo quy định (Điều 56.1.d). Phạt tiền 30–50 triệu đồng nếu không duy trì hồ sơ ở trạng thái sẵn sàng phục vụ hoạt động kiểm tra của cơ quan chuyên trách (Điều 56.1.đ).

Hồ sơ chuyển dữ liệu cá nhân xuyên biên giới (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
9	Cập nhật ngay Hồ Sơ Chuyển DLCN Xuyên Biên Giới trong thời hạn 10 ngày khi xảy ra các trường hợp sau (cùng các trường hợp nêu tại Mục 4): a) Khi Công ty được tổ chức lại, chấm dứt hoạt động, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; b) Khi có sự thay đổi thông tin về tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ bảo vệ DLCN; c) Khi phát sinh hoặc thay đổi ngành, nghề, dịch vụ kinh doanh liên quan đến xử lý DLCN đã đăng ký trong hồ sơ đánh giá tác động xử lý DLCN, hồ sơ đánh giá tác động chuyển DLCN xuyên biên giới.	Điều 22.2, Luật BVDLCN 2025, Điều 20.2, Nghị định 356	Phạt tiền 30–50 triệu đồng nếu không cập nhật hồ sơ đánh giá tác động chuyển DLCN xuyên biên giới khi có thay đổi theo quy định (Điều 56.1.d). LƯU Ý THÊM: phạt 50–100 triệu đồng nếu không thông báo thông tin, chi tiết liên lạc của bên phụ trách BVDLCN phía bên nhận sau khi hoàn tất chuyển dữ liệu, hoặc không có cơ chế kiểm soát khi bên nhận chuyển tiếp dữ liệu cho bên thứ ba khác (Điều 56.1.e và 56.1.g).

Thông báo vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
10	- Các trường hợp phải thông báo: (i) Phát hiện hành vi vi phạm quy định về BVDLCN. (ii) DLCN bị xử lý sai mục đích, không đúng thỏa thuận giữa chủ thể DLCN với bên kiểm soát DLCN, bên kiểm soát và xử lý DLCN. (iii) Không bảo đảm quyền hoặc thực hiện không đúng quyền của chủ thể DLCN và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. ("Hành Vi Vi Phạm") - Đối tượng phải thông báo: Bên kiểm soát DLCN, bên kiểm soát và xử lý DLCN, bên thứ ba phát hiện Hành Vi Vi Phạm - Cơ quan tiếp nhận thông báo: Cơ quan chuyên trách BVDLCN - Hồ sơ: Nộp Mẫu số 08 đính kèm Nghị Định 356	Điều 23 Luật BVDLCN 2025	Phạt tiền 20–40 triệu đồng nếu không thông báo cho cơ quan chuyên trách BVDLCN khi phát hiện hành vi vi phạm, khi DLCN bị xử lý sai mục đích hoặc không đúng thỏa thuận, hoặc khi không bảo đảm quyền của chủ thể DLCN (Điều 54.2). Phạt tiền 40–60 triệu đồng nếu thông báo CHẬM HƠN 72 GIỜ kể từ khi phát hiện vi phạm mà gây tổn hại hoặc có thể gây tổn hại đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, hoặc xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của chủ thể DLCN (Điều 54.3). Phạt tiền 10–20 triệu đồng nếu Bên xử lý DLCN phát hiện vi phạm nhưng không thông báo kịp thời cho Bên kiểm soát DLCN, hoặc cố ý che giấu, cung cấp thông tin sai lệch về tính chất, quy mô sự cố, loại DLCN và số lượng chủ thể bị ảnh hưởng (Điều 54.1.a và 54.1.c). Khắc phục hậu quả: buộc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thông báo đúng nội dung, hình thức, thời hạn và cung cấp minh chứng (Điều 54.5.a).

Thông báo vi phạm quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
11	Công ty phải lập biên bản xác nhận xảy ra hành vi vi phạm và phối hợp xử lý với cơ quan chuyên trách.	Điều 23.2, 23.4 Luật BVDLCN 2025	Phạt tiền 10–20 triệu đồng nếu không lập biên bản xác nhận về việc xảy ra hành vi vi phạm quy định về BVDLCN (Điều 54.1.b). Phạt tiền 60–80 triệu đồng nếu không thực hiện các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm, không khắc phục hậu quả xảy ra, hoặc không phối hợp với cơ quan chuyên trách BVDLCN trong việc xử lý hành vi vi phạm (Điều 54.4.a và 54.4.b). Khắc phục hậu quả: buộc thực hiện các biện pháp ngăn chặn và khắc phục hậu quả theo yêu cầu của cơ quan chuyên trách (Điều 54.5.b).

Nhân sự, bộ phận bảo vệ dữ liệu cá nhân

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
12	Trường hợp công ty tự chỉ định bộ phận, nhân sự BVDLCN: (i) Nhân sự được chỉ định phải đủ điều kiện năng lực BVDLCN ("Năng Lực Cá Nhân"), bao gồm: + Có trình độ cao đẳng trở lên; + Có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác (kể từ thời điểm tốt nghiệp) liên quan đến một trong các lĩnh vực về pháp chế, công nghệ thông tin, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, quản trị rủi ro, kiểm soát tuân thủ, quản lý nhân sự, tổ chức cán bộ; + Đã được Công ty đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng chuyên môn về bảo vệ dữ liệu cá nhân. (ii) Công ty phải ký thỏa thuận trách nhiệm bảo mật với nhân sự BVDLCN, Có thể thỏa thuận về các trường hợp miễn trừ trách nhiệm khi xảy ra vi phạm hoặc thiệt hại đối với DLCN được bảo vệ. (iii) Công ty phải đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về BVDLCN cho nhân sự BVDLCN.	Điều 33.2, Luật BVDLCN 2025; Điều 13.5, 13.6, Nghị Định 356	Phạt CẢNH CÁO hoặc phạt tiền 10–20 triệu đồng nếu không ký thỏa thuận trách nhiệm bảo mật với nhân sự BVDLCN; không tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng BVDLCN cho nhân sự; hoặc văn bản chỉ định nhân sự, quyết định thành lập bộ phận BVDLCN không nêu rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn (Điều 57.1.a, 57.1.b và 57.1.c). Phạt tiền 20–30 triệu đồng nếu chỉ định nhân sự KHÔNG ĐÁP ỨNG điều kiện, tức dưới trình độ cao đẳng hoặc dưới 02 năm kinh nghiệm ở các lĩnh vực pháp chế, công nghệ thông tin, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, quản trị rủi ro, kiểm soát tuân thủ, quản lý nhân sự; chỉ định nhân sự chưa được đào tạo, bồi dưỡng; hoặc KHÔNG ban hành văn bản chỉ định nhân sự, quyết định thành lập bộ phận BVDLCN (Điều 57.2.a, 57.2.b và 57.2.c). Khắc phục hậu quả: buộc thay thế bằng nhân sự đủ điều kiện; buộc ban hành văn bản chỉ định, xây dựng đầy đủ chức năng nhiệm vụ và cung cấp minh chứng (Điều 57.3).

Nhân sự, bộ phận bảo vệ dữ liệu cá nhân (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
13	Trường hợp công ty thuê tổ chức, cá nhân bên ngoài cung cấp dịch vụ BVDLCN: (1) Đối với cá nhân: (i) Cá nhân đáp ứng đủ điều kiện Năng Lực Cá Nhân nêu tại Mục 12: có trình độ cao đẳng trở lên; có ít nhất 02 năm kinh nghiệm công tác liên quan đến một trong các lĩnh vực pháp chế, công nghệ thông tin, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, quản trị rủi ro, kiểm soát tuân thủ, quản lý nhân sự, tổ chức cán bộ; đã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng chuyên môn về bảo vệ dữ liệu cá nhân. (ii) Công khai thông tin về cá nhân cho chủ thể DLCN và các bên liên quan được biết. (iii) Công ty phải giao kết hợp đồng sử dụng nhân sự BVDLCN. (2) Đối với tổ chức: (i) Năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ đáp ứng quy định sau:	Điều 15.3, 16.3, Nghị định 356	Với công ty thuê ngoài: nếu không ban hành văn bản chính thức chỉ định nhân sự BVDLCN thì vẫn bị phạt 20–30 triệu đồng (Điều 57.2.c). Với bên cung cấp dịch vụ: phạt 10–30 triệu đồng đối với cá nhân, 30–50 triệu đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ BVDLCN vi phạm; phạt 50–100 triệu đồng nếu lợi dụng việc cung cấp dịch vụ để truy cập, thu thập, sử dụng, tiết lộ hoặc xử lý DLCN ngoài phạm vi hợp đồng (Điều 58.1, 58.2 và 58.3). DEDICA lưu ý: doanh nghiệp cần rà soát năng lực của nhà cung cấp trước khi ký, vì việc thuê ngoài không chuyển giao trách nhiệm tuân thủ của chính doanh nghiệp.

Nhân sự, bộ phận bảo vệ dữ liệu cá nhân (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
13 (tiếp)	+ Là tổ chức, doanh nghiệp có chức năng, nhiệm vụ hoặc ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh về công nghệ, pháp lý hoặc tư vấn về công nghệ, pháp lý được cơ quan, tổ chức thuê để tư vấn việc tuân thủ quy định bảo vệ dữ liệu cá nhân và thực hiện nhiệm vụ bảo vệ dữ liệu cá nhân theo thỏa thuận; + Có tối thiểu 03 nhân sự đáp ứng đủ các điều kiện Năng Lực Cá Nhân; + Đã cung cấp các sản phẩm, dịch vụ liên quan đến bảo mật, an ninh mạng, công nghệ thông tin, đánh giá tiêu chuẩn, tư vấn về bảo vệ dữ liệu cá nhân. (ii) Công khai thông tin về tổ chức BVDLCN cho chủ thể DLCN và các bên liên quan được biết. (iii) Công ty phải giao kết hợp đồng sử dụng dịch vụ và thỏa thuận xử lý DLCN.		

Xin và lưu trữ sự đồng ý của chủ thể dữ liệu

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
14	- Đối tượng phải xin sự đồng ý: Bên kiểm soát DLCN, Bên kiểm soát và xử lý DLCN. - Cách thức xin sự đồng ý: Công ty phải yêu cầu chủ thể DLCN xác nhận sự đồng ý hoặc không đồng ý đối với việc xử lý DLCN, có quyền yêu cầu rút lại sự đồng ý cho phép xử lý DLCN qua các phương thức sau: - Bằng văn bản; - Bằng cuộc gọi ghi âm; - Cú pháp đồng ý qua tin nhắn điện thoại; - Qua thư điện tử, trên trang thông tin điện tử, nền tảng, ứng dụng có thiết lập kỹ thuật xin sự đồng ý; - Bằng các phương thức khác phù hợp có thể in, sao chép bằng văn bản, bao gồm cả dưới dạng điện tử hoặc định dạng kiểm chứng được. - Các trường hợp không được phép thực hiện: Không được thiết lập phương thức mặc định đồng ý hoặc tạo ra các chỉ dẫn không rõ ràng, gây hiểu lầm giữa đồng ý và không đồng ý cho chủ thể DLCN	Điều 4.1.a, 4.1.b Luật BVDLCN 2025 Điều 6.1, 6.2, Điều 9.2, 9.3, 9.4 Nghị định 356	Phạt tiền 30–50 triệu đồng nếu xử lý DLCN sau khi thu thập mà chưa có sự đồng ý; kèm điều kiện bắt buộc hoặc từ chối cung cấp dịch vụ khi chủ thể không đồng ý xử lý DLCN vào mục đích khác không liên quan; thiết lập phương thức MẶC ĐỊNH ĐỒNG Ý hoặc chỉ dẫn gây hiểu lầm; xin sự đồng ý không rõ ràng, không kiểm chứng được thời điểm và nội dung đồng ý; không cung cấp thông tin minh bạch về loại DLCN, mục đích xử lý, quyền và nghĩa vụ; hình thức xin đồng ý không cho phép đồng ý theo TỪNG mục đích; hoặc không thông báo cho chủ thể biết DLCN nhạy cảm của họ đang được xử lý (Điều 43.1). Phạt tiền 50–70 triệu đồng nếu cố ý tiếp tục xử lý sau khi chủ thể yêu cầu ngừng, hạn chế hoặc cơ quan nhà nước yêu cầu bằng văn bản, hoặc TỰ Ý COI SỰ IM LẶNG LÀ ĐỒNG Ý (Điều 43.2). Xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm (Điều 43.3). Khắc phục hậu quả: buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục DLCN đã thu thập, xử lý khi không có sự đồng ý hợp lệ; buộc nộp lại khoản thu bất hợp pháp (Điều 43.4).

Xin và lưu trữ sự đồng ý của chủ thể dữ liệu (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
15	Công ty phải lưu trữ sự đồng ý của chủ thể DLCN.	Điều 6.2, Nghị định 356	Phạt tiền 30–50 triệu đồng nếu không ghi nhận, không lưu trữ nhật ký về sự đồng ý của chủ thể DLCN, hoặc không chứng minh được đã có sự đồng ý khi chủ thể yêu cầu hoặc khi cơ quan nhà nước thanh tra, kiểm tra (Điều 43.1.g).

Xử lý yêu cầu thực hiện quyền của chủ thể dữ liệu

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
16	Công ty phải xây dựng quy trình, thủ tục, biểu mẫu rõ ràng để thực hiện các quyền của chủ thể DLCN.	Điều 5.1, Nghị định 356	Phạt tiền 10–20 triệu đồng nếu không thiết lập quy trình, thủ tục, biểu mẫu rõ ràng để thực hiện quyền của chủ thể DLCN; không phân định rõ trách nhiệm của các bộ phận liên quan trong tổ chức; hoặc không cung cấp thông tin, không bảo đảm chủ thể DLCN được biết về thủ tục thực hiện các quyền (Điều 44.1.a, 44.1.b và 44.1.c).
17	Công ty phải phản hồi và xử lý các yêu cầu liên quan đến DLCN được thực hiện theo đúng thủ tục của người yêu cầu trong thời hạn. - Công ty phải phản hồi trong thời hạn 2 ngày làm việc khi nhận được các yêu cầu: (1) rút lại sự đồng ý cho phép xử lý dữ liệu cá nhân, hạn chế xử lý DLCN, phản đối xử lý DLCN; (2) xem, chỉnh sửa hoặc yêu cầu chỉnh sửa DLCN, cung cấp DLCN; (3) xóa DLCN; (4) thực hiện các biện pháp, giải pháp bảo vệ DLCN.	Điều 10 Luật BVDLCN 2025 Điều 5.2, 5.3, 5.4, 5.5 Nghị định 356	Phạt tiền 10–20 triệu đồng nếu không phản hồi hoặc cung cấp không đầy đủ thông tin về thủ tục QUÁ 02 NGÀY LÀM VIỆC kể từ khi nhận được yêu cầu hợp lệ, hoặc không thông báo lý do chính đáng khi không thể thực hiện hoặc cần gia hạn (Điều 44.1.d và 44.1.đ).

Xử lý yêu cầu thực hiện quyền của chủ thể dữ liệu (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
18	Đối với yêu cầu rút lại sự đồng ý cho phép xử lý DLCN, hạn chế xử lý DLCN, phản đối xử lý DLCN (yêu cầu (1) nêu tại Mục 17), Công ty phải thực hiện trong vòng 15 ngày. Nếu Công ty yêu cầu một bên thứ ba thực hiện thì thực hiện trong 20 ngày. Việc thực hiện được gia hạn 1 lần không quá 15 ngày.	Điều 5.2, 5.3, 5.4, 5.5 Nghị định 356	Phạt tiền 30–40 triệu đồng đối với Bên kiểm soát DLCN, Bên kiểm soát và xử lý DLCN nếu không thực hiện yêu cầu rút lại sự đồng ý, hạn chế hoặc phản đối xử lý DLCN trong 15 ngày, 20 ngày nếu cần bên thứ ba thực hiện, gia hạn tối đa 15 ngày (Điều 44.3.a). Phạt tiền 20–30 triệu đồng đối với Bên xử lý DLCN, Bên thứ ba nếu không ngừng xử lý trong thời hạn do Bên kiểm soát xác định (Điều 44.2.a). Phạt tiền 20–30 triệu đồng nếu che giấu, ngăn chặn, cản trở việc thực hiện quyền rút lại sự đồng ý; không ngừng xử lý sau khi chủ thể rút lại sự đồng ý; hoặc Bên kiểm soát không gửi yêu cầu ngừng xử lý cho Bên xử lý, Bên thứ ba (Điều 45.1). Khắc phục hậu quả: buộc thực hiện đầy đủ quyền của chủ thể DLCN và cung cấp minh chứng; buộc hủy, xóa DLCN tiếp tục xử lý; buộc nộp lại khoản thu (Điều 44.5 và Điều 45.2).

Xử lý yêu cầu thực hiện quyền của chủ thể dữ liệu (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
19	Đối với yêu cầu xem, chỉnh sửa hoặc yêu cầu chỉnh sửa DLCN, cung cấp DLCN (yêu cầu (2) nêu tại Mục 17), Công ty phải thực hiện trong vòng 10 ngày. Nếu Công ty yêu cầu một bên thứ ba thực hiện thì thực hiện trong vòng 15 ngày. Việc thực hiện được gia hạn 1 lần không quá 10 ngày.		Phạt tiền 30–40 triệu đồng nếu không thực hiện yêu cầu xem, chỉnh sửa hoặc cung cấp DLCN trong 10 ngày, 15 ngày nếu cần bên thứ ba thực hiện, gia hạn tối đa 10 ngày (Điều 44.3.b). Phạt tiền 20–30 triệu đồng đối với Bên xử lý DLCN, Bên thứ ba nếu không chỉnh sửa hoặc cung cấp DLCN trong thời hạn do Bên kiểm soát xác định (Điều 44.2.b). Phạt tiền 20–30 triệu đồng nếu từ chối, không cho chủ thể truy cập để xem, chỉnh sửa DLCN của mình (Điều 46.1.a); phạt 30–50 triệu đồng nếu CỐ Ý TRÌ HOÃN, không chỉnh sửa sau khi đã xác nhận thông tin là sai sự thật, giả mạo gây ảnh hưởng danh dự, nhân phẩm, uy tín, quyền và lợi ích của chủ thể (Điều 46.2). Phạt tiền 10–20 triệu đồng nếu từ chối cung cấp DLCN cho chính chủ thể DLCN khi có yêu cầu hợp lệ (Điều 49.1).

Xử lý yêu cầu thực hiện quyền của chủ thể dữ liệu (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
20	Đối với yêu cầu xóa DLCN (yêu cầu (3) nêu tại Mục 17), Công ty phải thực hiện trong vòng 20 ngày. Nếu Công ty yêu cầu một bên thứ ba thực hiện thì thực hiện trong vòng 30 ngày. Việc thực hiện được gia hạn một lần không quá 20 ngày.		Phạt tiền 30–40 triệu đồng nếu không thực hiện yêu cầu xóa DLCN trong 20 ngày, 30 ngày nếu cần bên thứ ba thực hiện, gia hạn tối đa 20 ngày (Điều 44.3.c). Phạt tiền 20–30 triệu đồng đối với Bên xử lý DLCN, Bên thứ ba nếu không xóa, hủy hoặc không hạn chế xử lý DLCN trong thời hạn do Bên kiểm soát xác định (Điều 44.2.c). Khắc phục hậu quả: buộc thực hiện đầy đủ quyền của chủ thể DLCN theo yêu cầu hợp pháp và cung cấp minh chứng cho cơ quan có thẩm quyền (Điều 44.5).
21	Đối với yêu cầu thực hiện các biện pháp, giải pháp bảo vệ DLCN (yêu cầu (4) nêu tại Mục 17), Công ty phải thực hiện trong vòng 15 ngày và được gia hạn một lần không quá 15 ngày.		Phạt tiền 30–40 triệu đồng nếu không thực hiện yêu cầu áp dụng các biện pháp, giải pháp bảo vệ DLCN trong thời hạn 15 ngày, gia hạn tối đa 15 ngày (Điều 44.3.d). Khắc phục hậu quả: buộc thực hiện đầy đủ quyền của chủ thể DLCN và cung cấp minh chứng thực hiện (Điều 44.5).

Xóa, hủy, khử nhận dạng dữ liệu cá nhân

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
22	Công ty phải xóa/hủy DLCN hoặc yêu cầu bên thứ ba xóa, hủy DLCN của chủ thể DLCN trong các trường hợp: - Chủ thể DLCN có yêu cầu và chấp nhận các rủi ro, thiệt hại có thể xảy ra đối với mình - Đã hoàn thành mục đích xử lý dữ liệu cá nhân; - Hết thời hạn lưu trữ theo quy định của pháp luật; - Thực hiện theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; - Thực hiện theo thỏa thuận;	Điều 14.1, 14.3 Luật BVDLCN 2025	Phạt tiền 30–50 triệu đồng nếu không thực hiện xóa, hủy DLCN trong các trường hợp theo quy định, hoặc Bên kiểm soát DLCN không yêu cầu Bên xử lý DLCN, Bên thứ ba xóa, hủy DLCN (Điều 51.2.a và 51.2.b). Phạt tiền 10–30 triệu đồng nếu việc xóa, hủy không được thực hiện bằng các biện pháp an toàn, hoặc không có biện pháp ngăn chặn hoạt động xâm nhập và khôi phục trái phép dữ liệu đã xóa, hủy (Điều 51.1.b và 51.1.c). Khắc phục hậu quả: buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục DLCN (Điều 51.4.a).
23	Công ty không được xóa/hủy DLCN và phải thông báo cho chủ thể DLCN nếu không thể xóa/hủy vì lý do chính đáng nếu thuộc các Trường Hợp Đặc Biệt.	Điều 14.2, 14.5 Luật BVDLCN 2025	Phạt tiền 10–30 triệu đồng nếu không thông báo cho chủ thể DLCN biết lý do trong trường hợp không thể thực hiện việc xóa, hủy DLCN sau khi nhận được yêu cầu (Điều 51.1.a). Khắc phục hậu quả: buộc thông báo cho chủ thể DLCN về việc không thể thực hiện xóa, hủy (Điều 51.4.b).

Xóa, hủy, khử nhận dạng dữ liệu cá nhân (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
24	Công ty phải tuân thủ quy định về khử nhận dạng DLCN như sau: - Cơ quan, tổ chức, cá nhân khử nhận dạng DLCN có trách nhiệm kiểm soát và giám sát chặt chẽ quá trình khử nhận dạng DLCN; ngăn chặn việc truy cập trái phép, sao chép, chiếm đoạt, làm lộ, làm mất DLCN trong quá trình khử nhận dạng; - Không được tái nhận dạng DLCN sau khi đã được khử nhận dạng.	Điều 14.6 Luật BVDLCN 2025	Phạt tiền 10–30 triệu đồng nếu khử nhận dạng DLCN nhưng không kiểm soát, giám sát chặt chẽ, hoặc không có biện pháp ngăn chặn việc truy cập trái phép, sao chép, chiếm đoạt, làm lộ, làm mất dữ liệu trong quá trình khử nhận dạng (Điều 51.1.d và 51.1.đ). Phạt tiền 30–50 triệu đồng nếu ĐỂ XẢY RA việc truy cập trái phép, sao chép, chiếm đoạt, làm lộ, làm mất DLCN trong quá trình khử nhận dạng (Điều 51.2.d). Phạt tiền 50–60 triệu đồng nếu TÁI NHẬN DẠNG DLCN sau khi dữ liệu đã được khử nhận dạng (Điều 51.3.b). Khắc phục hậu quả: buộc áp dụng biện pháp kiểm soát, giám sát và ngăn chặn truy cập trái phép; buộc hủy, xóa kết quả tái nhận dạng (Điều 51.4.c và 51.4.d).

Chia sẻ dữ liệu cá nhân giữa các bộ phận trong công ty

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
25	Công ty phải xây dựng quy trình kiểm soát việc chia sẻ, sử dụng DLCN đúng quy định.	Điều 7.4 Nghị định 356/2025/NĐ-CP	Phạt tiền 20–30 triệu đồng nếu khi chia sẻ DLCN giữa các bộ phận trong cùng một cơ quan, tổ chức mà không xây dựng quy trình kiểm soát việc chia sẻ, sử dụng DLCN đúng quy định (Điều 52.1.b). Khắc phục hậu quả: buộc bổ sung, hoàn thiện thỏa thuận chuyển giao DLCN theo đúng quy định và cung cấp minh chứng (Điều 52.5.a).
26	Công ty phải có biện pháp phòng, chống việc nhân sự nội bộ cơ quan, tổ chức chia sẻ trái phép DLCN với bên thứ ba.		Phạt tiền 20–30 triệu đồng nếu không có biện pháp phòng, chống việc nhân sự nội bộ chia sẻ trái phép DLCN với bên thứ ba (Điều 52.1.b).

Cung cấp DLCN

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
27	Công ty chỉ được cung cấp DLCN của chủ thể DLCN cho bên thứ ba khi được chủ thể DLCN đồng ý, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.	Điều 15.2.b Luật BVDLCN 2025	Phạt tiền 20–30 triệu đồng nếu cung cấp DLCN cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khác khi chưa được chủ thể DLCN đồng ý (Điều 49.2). Phạt tiền GẤP 02 LẦN, tức 40–60 triệu đồng, nếu dữ liệu được cung cấp là DLCN NHẠY CẢM (Điều 49.3). Khắc phục hậu quả: buộc thu hồi DLCN đã cung cấp sai quy định; buộc nộp lại khoản thu có được từ hành vi vi phạm (Điều 49.4.b và 49.4.c).

Công khai dữ liệu cá nhân

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
28	Công ty phải công khai DLCN với mục đích cụ thể, phạm vi công khai, loại DLCN được công khai phải phù hợp với mục đích công khai.	Điều 16.1 Luật BVDLCN 2025	Phạt tiền 20–30 triệu đồng nếu công khai DLCN không có mục đích cụ thể, không thuộc trường hợp được phép công khai, hoặc công khai vượt quá phạm vi, loại DLCN cần thiết cho mục đích công khai (Điều 50.1.a và 50.1.b). Khắc phục hậu quả: buộc gỡ bỏ, thu hồi DLCN đã công khai không có mục đích cụ thể hoặc vượt quá phạm vi cần thiết (Điều 50.3.d).
29	Công ty công khai DLCN trong các trường hợp: - Khi có sự đồng ý của chủ thể DLCN; - Thực hiện theo quy định của pháp luật; - Để giải quyết tình trạng khẩn cấp; nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia nhưng chưa đến mức ban bố tình trạng khẩn cấp; phòng, chống bạo loạn, khủng bố, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; - Thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.	Điều 16.2 Luật BVDLCN 2025.	Phạt tiền 30–50 triệu đồng nếu công khai DLCN khi chưa có sự đồng ý của chủ thể DLCN, trừ trường hợp pháp luật cho phép (Điều 50.2.b). Khắc phục hậu quả: buộc gỡ bỏ, thu hồi DLCN đã công khai (Điều 50.3.b).
30	Công ty phải công khai DLCN chính xác, đúng nguồn gốc, bảo đảm thuận tiện cho việc tiếp cận và sử dụng hợp pháp.	Điều 16.1 Luật BVDLCN 2025	Phạt tiền 20–30 triệu đồng nếu công khai DLCN nhưng không phản ánh đúng dữ liệu từ nguồn dữ liệu gốc (Điều 50.1.c). Khắc phục hậu quả: buộc cải chính thông tin (Điều 50.3.a).

Công khai dữ liệu cá nhân (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
31	Công ty phải công khai DLCN dưới các hình thức hợp pháp: - Đăng tải dữ liệu trên trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng; - Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.	Điều 16.2 Luật BVDLCN 2025.	Phạt tiền 20–30 triệu đồng nếu công khai DLCN không thuộc trường hợp được phép công khai theo quy định pháp luật (Điều 50.1.a). Khắc phục hậu quả: buộc gỡ bỏ, thu hồi DLCN đã công khai (Điều 50.3.d).
32	Công ty phải ngăn chặn việc truy cập, sử dụng, tiết lộ, sao chép, sửa đổi, xóa, hủy hoặc các hành vi xử lý trái phép khác đối với DLCN đã công khai trong khả năng, điều kiện của mình.		Phạt tiền 20–30 triệu đồng nếu không kiểm soát, giám sát chặt chẽ việc công khai DLCN để bảo đảm đúng mục đích, phạm vi, hoặc không có biện pháp ngăn chặn việc truy cập, sử dụng, tiết lộ, sao chép, sửa đổi, xóa, hủy hoặc các hành vi xử lý trái phép khác đối với dữ liệu đã công khai (Điều 50.1.d và 50.1.đ). Khắc phục hậu quả: buộc áp dụng biện pháp kiểm soát, giám sát và bảo mật đối với DLCN đang công khai, cung cấp minh chứng thực hiện (Điều 50.3.c).

Chuyển giao DLCN

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
33	Công ty chỉ chuyển giao DLCN trong các trường hợp: a) Khi có sự đồng ý của chủ thể DLCN; b) Chia sẻ DLCN giữa các bộ phận trong cùng một cơ quan, tổ chức để xử lý DLCN phù hợp với mục đích xử lý đã xác lập; c) Chuyển giao DLCN để tiếp tục xử lý DLCN trong trường hợp chia, tách, sáp nhập cơ quan, tổ chức, đơn vị hành chính và tổ chức lại, chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp nhà nước; chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, kết thúc hoạt động đơn vị, tổ chức; đơn vị, tổ chức được thành lập trên cơ sở kết thúc hoạt động của đơn vị, tổ chức khác; d) Bên kiểm soát DLCN, bên kiểm soát và xử lý DLCN chuyển giao DLCN cho bên xử lý DLCN, bên thứ ba để xử lý DLCN theo quy định; đ) Chuyển giao DLCN theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; e) Chuyển giao DLCN trong các Trường Hợp Đặc Biệt.	Điều 17.1 Luật BVDLCN 2025	Chuyển giao DLCN NGOÀI các trường hợp được phép mà nhằm thu tài sản hoặc lợi ích khác bị coi là MUA, BÁN TRÁI PHÉP DLCN: phạt tiền từ 02 lần đến tối đa 10 lần khoản thu; không có khoản thu hoặc mức tính theo khoản thu thấp hơn 03 tỷ đồng thì phạt đến tối đa 03 tỷ đồng (Điều 53.1.a và 53.2). Xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm (Điều 53.4). Khắc phục hậu quả: buộc hủy, xóa toàn bộ DLCN đã mua bán trái phép trên tất cả hệ thống lưu trữ; buộc nộp lại khoản thu; buộc thông báo đến toàn bộ chủ thể DLCN bị ảnh hưởng (Điều 53.5).

Chuyển giao DLCN (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
34	Trường hợp chuyển giao DLCN thuộc các trường hợp nêu tại Mục 33 gồm: khi có sự đồng ý của chủ thể DLCN; khi chuyển giao để tiếp tục xử lý DLCN trong trường hợp chia, tách, sáp nhập, tổ chức lại, chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp nhà nước; khi bên kiểm soát DLCN, bên kiểm soát và xử lý DLCN chuyển giao DLCN cho bên xử lý DLCN, bên thứ ba để xử lý, thì Công ty phải xác lập thỏa thuận về việc chuyển giao DLCN trong đó nêu rõ các nội dung sau: a) Mục đích chuyển giao DLCN; b) Đối tượng chủ thể DLCN và loại DLCN được chuyển giao phù hợp với mục đích chuyển giao; c) Thời hạn xử lý DLCN, yêu cầu về xóa, hủy DLCN sau khi hoàn thành mục đích chuyển giao; d) Cơ sở pháp lý của việc chuyển giao DLCN; đ) Trách nhiệm bảo vệ DLCN trong quá trình chuyển giao, xử lý DLCN; e) Trách nhiệm thực hiện các quyền của chủ thể DLCN;	Điều 7.1 Nghị định 356	Phạt tiền 20–30 triệu đồng nếu thỏa thuận chuyển giao DLCN không xác định trách nhiệm bảo vệ DLCN trong quá trình chuyển giao, xử lý; trách nhiệm thực hiện quyền của chủ thể DLCN; trách nhiệm phối hợp và tuân thủ khi phát hiện vi phạm (Điều 52.1.a). NẶNG HƠN: nếu chuyển giao CÓ THU PHÍ mà không có thỏa thuận chuyển giao, hoặc thỏa thuận không xác định mục đích chuyển giao, hoặc không thực hiện đúng mục đích trong thỏa thuận, thì bị xử phạt như MUA BÁN TRÁI PHÉP DLCN, tức từ 02 đến 10 lần khoản thu, tối đa 03 tỷ đồng (Điều 53.1.b và 53.1.c). Khắc phục hậu quả: buộc bổ sung, hoàn thiện thỏa thuận chuyển giao theo đúng quy định và cung cấp minh chứng (Điều 52.5.a).

Chuyển giao DLCN (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
34 (tiếp)	g) Trách nhiệm phối hợp và tuân thủ của các bên trong trường hợp phát hiện vi phạm quy định bảo vệ DLCN.		
35	Trường hợp chuyển giao DLCN nhạy cảm, công ty phải áp dụng thêm các biện pháp bảo mật bổ sung như: - Biện pháp bảo mật vật lý đối với thiết bị lưu trữ và truyền tải; - Biện pháp mã hóa; - Ẩn danh dữ liệu cá nhân; và - Các biện pháp bảo mật khác trong quá trình chuyển giao.	Điều 7.2 Nghị định 356	Phạt tiền 50–80 triệu đồng nếu chuyển giao DLCN NHẠY CẢM mà không có biện pháp bảo mật vật lý đối với thiết bị lưu trữ và truyền tải, biện pháp mã hóa, ẩn danh DLCN và các biện pháp bảo mật khác trong quá trình chuyển giao (Điều 52.3). Khắc phục hậu quả: buộc áp dụng biện pháp bảo mật theo quy định đối với DLCN nhạy cảm đang lưu trữ và truyền tải; buộc hủy, xóa DLCN nhạy cảm đã chuyển giao nếu không bảo đảm được bảo mật (Điều 52.5.b và 52.5.c).
36	Công ty phải khử nhận dạng DLCN trước khi giao dịch trên sàn dữ liệu.	Điều 7.5 Nghị định 356	Không khử nhận dạng DLCN khi giao dịch trên sàn dữ liệu trong hoạt động chuyển giao có thu phí bị xử phạt như MUA BÁN TRÁI PHÉP DLCN: phạt từ 02 lần đến tối đa 10 lần khoản thu; không có khoản thu thì phạt theo số lượng chủ thể dữ liệu, từ 70 triệu đến 01 tỷ đồng, tối đa 03 tỷ đồng (Điều 53.1.e, 53.2 và 53.3). Xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm (Điều 53.4).

Chuyển giao dữ liệu cá nhân có thu phí

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
37	Công ty phải thiết lập hệ thống kỹ thuật, cơ chế minh bạch để chủ thể đồng ý chính xác, rõ ràng theo từng lần chuyển giao (nêu rõ mục đích, bên tiếp nhận, bên xử lý).	Điều 7.3 Nghị định 356	Chuyển giao DLCN có thu phí mà không thiết lập hệ thống kỹ thuật, cơ chế minh bạch để chủ thể đồng ý chính xác, rõ ràng theo TỪNG LẦN chuyển giao, trên cơ sở biết rõ mục đích, tổ chức tiếp nhận và xử lý, bị xử phạt như MUA BÁN TRÁI PHÉP DLCN, tức từ 02 đến 10 lần khoản thu, tối đa 03 tỷ đồng (Điều 53.1.d, 53.2 và 53.3).
38	Công ty chỉ xử lý DLCN đúng cho mục đích chuyển giao đã được đồng ý, phù hợp với ngành, nghề đăng ký kinh doanh.		Chuyển giao DLCN có thu phí mà xử lý DLCN không đúng cho mục đích chuyển giao được chủ thể đồng ý, không phù hợp với ngành, nghề đăng ký kinh doanh, bị xử phạt như MUA BÁN TRÁI PHÉP DLCN, tức từ 02 đến 10 lần khoản thu, tối đa 03 tỷ đồng (Điều 53.1.đ, 53.2 và 53.3). Khắc phục hậu quả: buộc hủy, xóa toàn bộ DLCN; buộc nộp lại khoản thu; buộc thông báo đến toàn bộ chủ thể bị ảnh hưởng (Điều 53.5).

Chuyển giao dữ liệu cá nhân có thu phí (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
39	Công ty phải giới hạn loại DLCN chuyển giao trong phạm vi mục đích chuyển giao.		Phạt tiền 30–50 triệu đồng nếu không xác định, không giới hạn loại DLCN chuyển giao trong phạm vi mục đích chuyển giao, hoặc không xác định thời hạn lưu trữ phù hợp với mục đích chuyển giao, không xóa, hủy DLCN khi hoàn thành mục đích (Điều 52.2.b và 52.2.c). Xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm (Điều 52.4).
40	Công ty phải xác định rõ vai trò các bên (bên kiểm soát, bên xử lý, bên thứ ba) và ký thỏa thuận chuyển giao, xử lý DLCN trước khi thực hiện và cam kết trách nhiệm, nghĩa vụ với chủ thể DLCN.		Phạt tiền 30–50 triệu đồng nếu không xác định rõ vai trò Bên kiểm soát DLCN, Bên xử lý DLCN, Bên thứ ba trong hoạt động chuyển giao DLCN (Điều 52.2.a). Xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm (Điều 52.4). Khắc phục hậu quả: buộc hủy, xóa DLCN đã chuyển giao trong trường hợp không bảo đảm bảo mật theo quy định (Điều 52.5.c).

Xử lý dữ liệu cá nhân trong Trường Hợp Đặc Biệt

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
41	Công ty phải thiết lập quy trình, quy định xử lý DLCN và xác định trách nhiệm của công ty trong quá trình xử lý DLCN.	Điều 19.2 Luật BVDLCN 2025	Phạt tiền 10–20 triệu đồng nếu không thiết lập quy trình, quy định xử lý DLCN và không xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình xử lý DLCN (Điều 47.1.a). Khắc phục hậu quả: buộc thiết lập, ban hành và công khai quy trình, quy định xử lý DLCN, cung cấp minh chứng đã thực hiện (Điều 47.4.a).
42	Công ty phải triển khai các biện pháp BVDLCN phù hợp; thường xuyên đánh giá rủi ro có thể xảy ra trong quá trình xử lý DLCN.		Phạt tiền 20–30 triệu đồng nếu không triển khai các biện pháp bảo vệ DLCN phù hợp LÀM LỘ, MẤT DLCN đã thu thập, hoặc không thực hiện đánh giá rủi ro có thể xảy ra trong quá trình xử lý DLCN (Điều 47.2.a và 47.2.b). Khắc phục hậu quả: buộc triển khai biện pháp bảo vệ DLCN phù hợp và thực hiện đánh giá rủi ro, cung cấp minh chứng thực hiện (Điều 47.4.đ).
43	Công ty phải thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ việc tuân thủ quy định của pháp luật, quy trình, quy định xử lý DLCN.		Phạt tiền 10–20 triệu đồng nếu không thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ việc tuân thủ quy định của pháp luật, quy trình, quy định xử lý DLCN (Điều 47.1.b). Khắc phục hậu quả: buộc thiết lập, ban hành và công khai quy trình, quy định xử lý DLCN theo đúng quy định, cung cấp minh chứng (Điều 47.4.a).

Xử lý dữ liệu cá nhân trong Trường Hợp Đặc Biệt (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
44	Công ty phải có cơ chế tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị từ các bên có liên quan.		Phạt tiền 10–20 triệu đồng nếu không có cơ chế tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị từ cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (Điều 47.1.c). Khắc phục hậu quả: buộc thiết lập cơ chế tiếp nhận phản ánh, kiến nghị theo đúng quy định, cung cấp minh chứng đã thực hiện (Điều 47.4.a).

Các hành vi bị cấm

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
45	Công ty không được xử lý DLCN nhằm chống lại Nhà nước CNXHCN Việt Nam, gây ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.	Điều 7.1 Luật BVDLCN 2025	Phạt tiền 30–50 triệu đồng đối với hành vi xử lý DLCN gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, gồm xử lý DLCN để tạo lập, củng cố, lan truyền thông tin bịa đặt, sai sự thật, xuyên tạc, kích động; cung cấp, chuyển giao, phát tán, công khai DLCN biết rõ sẽ được dùng vào mục đích xâm phạm an ninh trật tự; chỉnh sửa, làm sai lệch, xóa, hủy, chiếm đoạt hoặc làm gián đoạn xử lý DLCN nhằm gây ảnh hưởng hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức (Điều 41.1). Xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm (Điều 41.2). Khắc phục hậu quả: buộc hủy, xóa DLCN; buộc nộp lại khoản thu bất hợp pháp; buộc gỡ bỏ, thu hồi thông tin và DLCN đã cung cấp, chuyển giao, công khai trái phép (Điều 41.3).
46	Công ty không được cản trở hoạt động BVDLCN.	Điều 7.2 Luật BVDLCN 2025	Phạt tiền 40–60 triệu đồng đối với hành vi chống đối, cản trở hoạt động bảo vệ DLCN của cơ quan, tổ chức, cá nhân (Điều 39.2.a).

Các hành vi bị cấm (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
47	Công ty không được lợi dụng hoạt động BVDLCN để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.	Điều 7.3 Luật BVDLCN 2025	Phạt tiền 30–50 triệu đồng đối với hành vi lợi dụng hoạt động bảo vệ DLCN, gồm dùng danh nghĩa hoạt động BVDLCN để che giấu, hợp thức hóa hoặc tạo điều kiện cho hành vi vi phạm pháp luật; lợi dụng lực lượng, phương tiện, biện pháp phòng chống xâm phạm DLCN nhằm chiếm đoạt, làm sai lệch hoặc xử lý DLCN trái quy định; sử dụng hoạt động BVDLCN để lừa đảo, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp (Điều 40.1). Xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm (Điều 40.2). Khắc phục hậu quả: buộc hủy, xóa DLCN đã chiếm đoạt, xử lý trái phép; buộc nộp lại khoản thu bất hợp pháp; buộc CÔNG KHAI XIN LỖI chủ thể DLCN trên phương tiện thông tin đại chúng (Điều 40.3).

Các hành vi bị cấm (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
48	Công ty không được xử lý DLCN trái quy định của pháp luật.	Điều 7.4 Luật BVDLCN 2025	Phạt tiền 20–40 triệu đồng nếu xử lý DLCN không đúng phạm vi hoặc không phù hợp với mục đích đã xác định, đã xin sự đồng ý, thỏa thuận, hoặc vượt quá mức cần thiết; không bảo đảm tính chính xác của DLCN, không chỉnh sửa, cập nhật kịp thời khi phát hiện sai sót; lưu trữ DLCN vượt quá khoảng thời gian cần thiết; không chủ động phòng ngừa, phát hiện, phối hợp kịp thời với cơ quan có thẩm quyền trong xử lý hành vi vi phạm về BVDLCN (Điều 39.1). Xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm (Điều 39.3). Khắc phục hậu quả: buộc hủy, xóa DLCN đã xử lý không đúng phạm vi, mục đích hoặc lưu trữ vượt thời hạn; buộc nộp lại khoản thu bất hợp pháp; buộc chỉnh sửa, cập nhật, bổ sung DLCN cho chính xác (Điều 39.4).

Các hành vi bị cấm (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
49	Công ty không được sử dụng DLCN của người khác để thực hiện hành vi trái quy định của pháp luật.	Điều 7.5 Luật BVDLCN 2025	Phạt tiền 40–60 triệu đồng đối với hành vi sử dụng DLCN của người khác để thực hiện các hành vi trái quy định của pháp luật (Điều 39.2.b). Xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm (Điều 39.3). Khắc phục hậu quả: buộc nộp lại khoản thu bất hợp pháp; buộc CÔNG KHAI XIN LỖI chủ thể DLCN trên phương tiện thông tin đại chúng (Điều 39.4.b và 39.4.c).

Các hành vi bị cấm (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
50	Công ty không được mua, bán DLCN, trừ trường hợp luật có quy định khác.	Điều 7.6 Luật BVDLCN 2025	MỨC PHẠT NẶNG NHẤT CỦA NGHỊ ĐỊNH. Phạt tiền từ 02 lần đến tối đa 10 lần KHOẢN THU có được từ hành vi mua, bán trái phép DLCN (Điều 53.1 và 53.2). Trường hợp KHÔNG có khoản thu: phạt 70–100 triệu đồng với dữ liệu cơ bản của dưới 1.000 chủ thể hoặc dữ liệu nhạy cảm của dưới 200 chủ thể; 100–300 triệu đồng với 1.000 đến dưới 2.000 chủ thể hoặc 200 đến dưới 400 chủ thể nhạy cảm; 300–500 triệu đồng với 2.000 đến dưới 10.000 chủ thể hoặc 400 đến 2.000 chủ thể nhạy cảm; 500 triệu đến 01 tỷ đồng với từ 10.000 chủ thể trở lên hoặc từ 2.000 chủ thể nhạy cảm trở lên; 01 tỷ đến 03 tỷ đồng nếu xâm phạm quốc phòng, an ninh trật tự, đối ngoại, kinh tế vĩ mô, tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản (Điều 53.3). Xử phạt bổ sung: tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm (Điều 53.4). Khắc phục hậu quả: buộc hủy, xóa toàn bộ DLCN đã mua bán trái phép trên tất cả hệ thống lưu trữ; buộc nộp lại khoản thu; buộc THÔNG BÁO ĐẾN TOÀN BỘ chủ thể DLCN bị ảnh hưởng (Điều 53.5).

Các hành vi bị cấm (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
51	Công ty không được chiếm đoạt, cố ý làm lộ, làm mất DLCN.	Điều 7.7 Luật BVDLCN 2025	Phạt tiền 30–50 triệu đồng nếu chiếm đoạt hoặc làm gián đoạn xử lý DLCN nhằm gây ảnh hưởng hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức (Điều 41.1.c). Phạt tiền 20–30 triệu đồng nếu không triển khai các biện pháp bảo vệ DLCN phù hợp LÀM LỘ, MẤT DLCN đã thu thập (Điều 47.2.a). LƯU Ý: hành vi làm lộ, mất DLCN còn kéo theo nghĩa vụ thông báo trong 72 giờ; không thông báo hoặc thông báo chậm bị phạt thêm đến 60 triệu đồng (Điều 54.2 và 54.3).
52	Công ty không được cố ý khôi phục trái phép DLCN đã bị xóa, hủy.	Điều 14.4 Luật BVDLCN 2025	Phạt tiền 50–60 triệu đồng đối với hành vi cố ý khôi phục trái phép DLCN đã bị xóa, hủy (Điều 51.3.a). Khắc phục hậu quả: buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục dữ liệu đã được khôi phục trái phép (Điều 51.4.c).
53	Công ty không được tái nhận dạng DLCN sau khi đã được khử nhận dạng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.	Điều 14.6.b Luật BVDLCN 2025	Phạt tiền 50–60 triệu đồng đối với hành vi tái nhận dạng DLCN sau khi dữ liệu đó đã được khử nhận dạng (Điều 51.3.b). Khắc phục hậu quả: buộc hủy, xóa tới mức không thể khôi phục kết quả tái nhận dạng (Điều 51.4.c).

Các hành vi bị cấm (tiếp theo)

STT	NGHĨA VỤ TUÂN THỦ	CƠ SỞ PHÁP LÝ	RỦI RO XỬ PHẠT THEO NGHỊ ĐỊNH 330/2026/NĐ-CP
54	Công ty không được công khai DLCN nếu việc công khai xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể DLCN.	Điều 16.1 Luật BVDLCN 2025	Phạt tiền 30–50 triệu đồng đối với hành vi công khai DLCN gây xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của chủ thể DLCN (Điều 50.2.a). Khắc phục hậu quả: buộc gỡ bỏ, thu hồi DLCN đã công khai (Điều 50.3.b).

DEDICA
—DEDICATED LAWYERS—

KHUNG CHẾ TÀI TỔNG QUAN

Ba điều cần biết về cách áp dụng chế tài

THỜI HIỆU 01 NĂM

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân là 01 năm. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu là ngày tổ chức, cá nhân thực hiện xong nghĩa vụ theo quy định hoặc ngày hành vi vi phạm thực tế kết thúc được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

DEDICA lưu ý: Với các nghĩa vụ mang tính liên tục như lập hồ sơ, lưu nhật ký đồng ý, chỉ định nhân sự bảo vệ dữ liệu cá nhân, hành vi vi phạm chỉ chấm dứt khi doanh nghiệp thực hiện xong nghĩa vụ, nên thời hiệu thực tế được tính từ thời điểm đó.

Căn cứ: Điều 3.1 và 3.2, Nghị định 330/2026/NĐ-CP

XỬ PHẠT BỔ SUNG

Ngoài phạt tiền, doanh nghiệp có thể bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề từ 01 đến 24 tháng, bao gồm Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân và giấy phép kinh doanh, chứng chỉ hành nghề đối với ngành, nghề có vi phạm; đình chỉ hoạt động từ 01 đến 24 tháng; tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm; và trục xuất đối với người nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính.

DEDICA lưu ý: Với doanh nghiệp FDI, hình thức trục xuất người nước ngoài và đình chỉ hoạt động là rủi ro cần được đánh giá riêng bên cạnh rủi ro tài chính.

Căn cứ: Điều 4.2 và 4.3, Nghị định 330/2026/NĐ-CP

ĐIỀU KHOẢN CHUYỂN TIẾP

Hành vi vi phạm xảy ra TRƯỚC ngày 19/8/2026 mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang được xem xét, giải quyết thì áp dụng quy định của nghị định xử phạt có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi; trường hợp Nghị định 330/2026/NĐ-CP không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý NHẸ HƠN đối với hành vi đó thì áp dụng Nghị định 330/2026/NĐ-CP.

DEDICA lưu ý: Doanh nghiệp nên rà soát và khắc phục các thiếu sót tồn đọng từ trước ngày 19/8/2026, vì nghĩa vụ chưa hoàn thành vẫn được coi là hành vi đang thực hiện.

Căn cứ: Điều 81.1, Nghị định 330/2026/NĐ-CP

DEDICA
—DEDICATED LAWYERS—

Liên Hệ Với Chúng Tôi

Đội ngũ luật sư và chuyên gia pháp lý của DEDICA luôn sẵn sàng hỗ trợ. Hãy liên hệ ngay để được tư vấn và cung cấp dịch vụ pháp lý chuyên sâu.

Doanh nghiệp và Đầu tư | Tư Vấn Pháp Lý Thường Xuyên | Giải quyết tranh chấp
Hình sự/Tội phạm | Mua bán & sáp nhập (M&A) | Nhãn hiệu & Bản quyền

Địa chỉ

Tầng 11, Tòa nhà A&T, Số 171 Hai Bà Trưng,
Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại

+84 39 969 0012

Email

david@dedica-law.com

Website

www.dedica-law.com

Hãy gọi ngay cho chúng tôi hoặc để lại lời nhắn để được tư vấn.